


Kle 117 
Kle T. Ang
}

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 7402
	Giờ: Ngày 2 tháng 4 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16

*Báo cáo Tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
đã được kiểm toán*



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
Báo cáo Kiểm toán	05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ - BXD ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Bộ Xây dựng.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103004836 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 06 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 25 tháng 12 năm 2009, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, nền móng công trình;
- Sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng, ống cống bê tông, bê tông thương phẩm;
- Gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí xây dựng, cốp pha định hình, dàn giáo, khung nhà công nghiệp (không sản xuất gia công tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê thiết bị vật tư kỹ thuật, tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị, các sản phẩm cơ khí và kết cấu định hình;
- Đầu tư, kinh doanh nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ;
- Mua bán máy móc, vật tư ngành xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, khai thác đá, khai thác đá có sự dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- Đào tạo nghề, giáo dục trung cấp chuyên nghiệp, đào tạo cao đẳng, giáo dục trung học phổ thông./.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 49B Phan Đăng Lưu - Phường 7 - Quận Phú Nhuận - Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 250.000.000.000 đồng

Công ty có các công ty con, công ty liên kết sau:

Tên

Địa chỉ

Công ty con

Công ty TNHH XDTMDV Điện Phước	49B - Phan Đăng Lưu - P.7 - Q. Phú Nhuận - TP Hồ Chí Minh
Công ty TNHH Siêu Thành	544 - Trần Hưng Đạo - P.2 - Q.5 - TP Hồ Chí Minh

Công ty liên kết

Công ty CP Licogi 16.1	5/13 Nguyễn Công Hoan - P.3 - Q. Bình Thạnh - TP Hồ Chí Minh
Công ty CP Licogi 16.2	A2/2A Lê Văn Việt - P. Tăng Nhơn Phú - Q.9, -TP Hồ Chí Minh
Công ty CP Licogi 16.5	Đường số 2 - Khu công nghiệp Nhơn Trạch - Đồng Nai
Công ty CP Licogi 16.6	Tầng 4 - Tòa nhà VP Công ty 34 - Ngõ 164 Khuất Duy Tiến - Thanh Xuân - Hà Nội
Công ty CP Licogi 16.8	Số 169 Bãi Cát - P.14 - Q. Bình Thạnh - TP Hồ Chí Minh
Công ty CP Licogi 16.9	Thôn Liên Đình - xã Hải Thượng - H. Tĩnh Gia - tỉnh Thanh Hóa

Công ty Cổ phần Licogi 16

Địa chỉ: 49B, Phan Đăng Lưu, Q. Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh

Công ty CP Cơ khí Licogi

Đường số 2 - Khu CN Nhơn Trạch 1 - Đồng Nai

Công ty Cổ phần ĐT&PTHT Nghi Sơn

Hải Thượng - Tĩnh Gia - Thanh Hóa

Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội

Lô X1 - đường D3 - Khu dân cư Long Tân - H. Nhơn Trạch - Đồng Nai

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch	
Ông Lê Văn Nga	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Bảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/04/2009
Ông Nguyễn Văn Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/04/2009
Ông Hoàng Minh Khai	Thành viên	
Ông Vũ Công Hưng	Thành viên	
Ông Don Di Lam	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/04/2009
Bà Đặng Phạm Minh Loan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/04/2009

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Nga	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Thuận Chí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Minh Khai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Công Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Đông Hoàn	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông Trần Đình Tuấn	Trưởng ban
Ông Phạm Xuân Diệm	Thành viên
Bà Phạm Thị Minh Hiền	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) chuyển đổi từ DNNN - Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) - Bộ Tài chính là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

Công ty Cổ phần Licogi 16

Địa chỉ: 49B, Phan Đăng Lưu, Q. Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2010

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc





CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

THÀNH VIÊN INPACT QUỐC TẾ

Số: 311./2010/BC.TC-AASC.KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009
của Công ty Cổ phần Licogi 16

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị
và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Licogi 16 được lập ngày 25 tháng 03 năm 2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Licogi 16 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2010

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Dũng
Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV

Kiểm toán viên

Cát Thị Hà

Chứng chỉ KTV số: 0725/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		904.374.373.099	756.965.091.263
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		128.097.417.321	16.211.746.734
111	1. Tiền	3	37.097.417.321	16.211.746.734
112	2. Các khoản tương đương tiền		91.000.000.000	
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	221.655.262.625	503.920.800
121	1. Đầu tư ngắn hạn		221.655.262.625	503.920.800
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		361.222.546.540	436.390.102.564
131	1. Phải thu khách hàng		74.960.573.511	66.888.396.785
132	2. Trả trước cho người bán		24.365.972.871	16.934.325.171
135	5. Các khoản phải thu khác	5	262.298.790.774	352.756.354.439
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	6	(402.790.616)	(188.973.831)
140	IV. Hàng tồn kho	7	158.219.837.563	283.091.501.848
141	1. Hàng tồn kho		158.219.837.563	283.091.501.848
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		35.179.309.050	20.767.819.317
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		419.623.363	6.392.385.584
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		16.985.425.197	
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		17.774.260.490	14.375.433.733
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		792.193.372.449	357.816.990.283
220	II. Tài sản cố định		292.383.137.214	198.577.173.748
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	20.209.068.648	15.247.247.901
222	- Nguyên giá		26.939.452.633	18.904.531.081
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(6.730.383.985)	(3.657.283.180)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	9		4.488.750.500
225	- Nguyên giá			4.488.750.500
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	974.777.776	981.444.444
228	- Nguyên giá		992.000.000	992.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(17.222.224)	(10.555.556)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	271.199.290.790	177.859.730.903
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	498.203.698.000	154.055.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		112.319.250.000	46.005.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		315.884.448.000	108.050.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		70.000.000.000	
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.606.537.235	5.184.816.535
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	94.902.678	634.053.037
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	19	488.437.647	
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.023.196.910	4.550.763.498
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.696.567.745.548	1.114.782.081.546

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		660.198.007.877	609.243.845.258
310	I. Nợ ngắn hạn		505.158.347.170	490.595.517.106
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	276.262.594.055	204.791.000.000
312	2. Phải trả người bán		67.821.630.931	42.443.323.542
313	3. Người mua trả tiền trước		14.784.083.077	6.429.767.373
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	64.068.576.365	68.648.044.472
315	5. Phải trả người lao động		1.080.159.653	1.139.144.546
316	6. Chi phí phải trả	16	26.060.050.821	125.727.165.301
317	7. Phải trả nội bộ			
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	55.045.198.210	41.417.071.872
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		36.054.058	
330	II. Nợ dài hạn		155.039.660.707	118.648.328.152
331	1. Phải trả dài hạn người bán			
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ			
333	3. Phải trả dài hạn khác		3.000.000	3.000.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	18	155.017.228.349	118.619.574.716
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	19		
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		19.432.358	25.753.436
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.036.369.737.671	505.538.236.288
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	1.004.005.547.565	489.734.446.244
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		250.000.000.000	136.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		506.222.037.738	227.799.104.885
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(50.000)	(6.724.000.000)
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		48.295.644.919	20.478.433.441
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		25.000.000.000	13.600.000.000
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		174.487.914.908	98.580.907.918
421	11. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
430	II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		32.364.190.106	15.803.790.044
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		32.364.190.106	15.803.790.044
432	2. Nguồn kinh phí			
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.696.567.745.548	1.114.782.081.546

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
001	1. Tài sản thuê ngoài			
002	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
003	3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý			
005	5. Ngoại tệ các loại			
006	6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

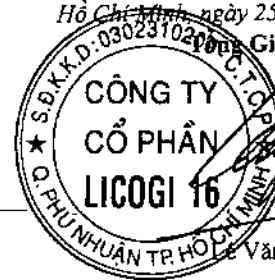
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thùy

Kế toán trưởng

Hoàng Chí Phúc

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2010



Giám đốc

Le Văn Nga

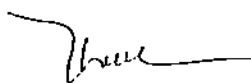
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

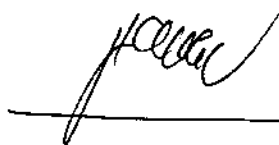
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	509.979.870.779	444.593.853.451
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		509.979.870.779	444.593.853.451
11	4. Giá vốn hàng bán	22	324.348.074.384	318.003.881.001
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		185.631.796.395	126.589.972.450
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	4.598.398.499	39.268.798.579
22	7. Chi phí tài chính	24	29.732.438.110	16.672.163.637
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		19.342.790.222	1.613.587.592
24	8. Chi phí bán hàng			
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		19.375.213.118	14.105.751.665
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		141.122.543.666	135.080.855.727
31	11. Thu nhập khác		122.262.966.155	81.743.180.771
32	12. Chi phí khác		9.433.385.242	32.186.572.386
40	13. Lợi nhuận khác		112.829.580.913	49.556.608.385
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		253.952.124.579	184.637.464.112
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	45.053.572.922	51.260.134.369
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(488.437.647)	
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>209.386.989.304</u>	<u>133.377.329.743</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		12.504	11.405

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thùy

Kế toán trưởng



Hoàng Chí Phúc

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám đốc



Hồ Văn Nga

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp
Năm 2009

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		593.559.594.921	133.321.733.929
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(299.060.750.649)	(417.960.843.792)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(17.543.845.144)	(7.565.672.280)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(20.848.297.142)	(1.460.526.282)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(35.915.141.269)	
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.397.470.421	25.207.247.023
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(49.204.425.215)	(35.990.547.698)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		178.384.605.923	(304.448.609.100)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(134.426.478.916)	(158.832.780.711)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(311.755.262.625)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		20.100.000.000	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(69.168.900.000)	(68.381.019.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			4.302.570.284
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		593.960.976	34.010.332.556
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(494.656.680.565)	(188.900.896.871)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		324.403.645.853	241.464.598.109
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		406.229.770.336	269.751.187.386
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(295.334.321.348)	(50.251.162.588)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(2.115.316.362)	
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.026.033.250)	(45.731.856.921)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		428.157.745.229	415.232.765.986
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		111.885.670.587	(78.116.739.985)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		16.211.746.734	94.360.039.373
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			(31.552.654)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		128.097.417.321	16.211.746.734

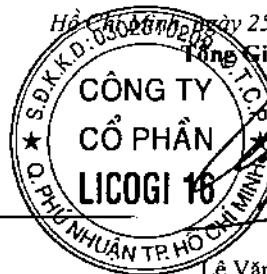
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thùy

Kế toán trưởng

Hoàng Chí Phúc

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2010
Tổng Giám đốc



Lê Văn Nga

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Licogi 16 được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ - BXD ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Bộ Xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 49B Phan Đăng Lưu - Phường 7 - Quận Phú Nhuận - Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các công ty con, công ty liên kết sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty con		
Công ty TNHH XDTMDV Điền Phước	49B - Phan Đăng Lưu - P.7 - Q. Phú Nhuận - TP Hồ Chí Minh	Xây dựng và đầu tư hạ tầng khu đô thị khu công nghiệp
Công ty TNHH Siêu Thành	544 - Trần Hưng Đạo - P2 - Q.5 - TP Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, công trình giao thông, thủy lợi. San lấp mặt bằng.
Công ty liên kết		
Công ty CP Licogi 16.1	5/13 Nguyễn Công Hoan - P3 - Q. Bình Thạnh - TP Hồ Chí Minh	- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình thoát nước và vệ sinh môi trường, nền móng công trình.
Công ty CP Licogi 16.2	A2/2A Lê Văn Việt - P. Tăng Nhơn Phú - Q.9, -TP Hồ Chí Minh	- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình thoát nước và vệ sinh môi trường, nền móng công trình; - Đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, dự án thủy điện vừa và nhỏ ;
Công ty CP Licogi 16.5	Đường số 2 - Khu công nghiệp Nhơn Trạch - Đồng Nai	- Sản xuất vật liệu xây dựng và xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp
Công ty CP Licogi 16.6	Tầng 4 - Tòa nhà VP Công ty 34 - Ngõ 164 Khuất Duy Tiến - Thanh Xuân - Hà Nội	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; Sản xuất vật liệu xây dựng; Gia công, chế tạo sản phẩm cơ khí xây dựng;
Công ty CP Licogi 16.8	Số 169 Bãi Cát - P.14 - Q. Bình Thạnh - TP Hồ Chí Minh	Tư vấn lập dự án, quản lý dự án xây dựng ; Lập dự toán các công trình xây dựng ; Thí nghiệm, kiểm định các công trình xây dựng Thiết kế công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp
Công ty CP Licogi 16.9	Thôn Liên Đình - xã Hải Thượng - H. Tĩnh Gia - tỉnh Thanh Hóa	- Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng, ống cống bê tông, bê tông thương phẩm; - Gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí xây dựng cốt pha định hình, dàn giáo, khung nhà công nghiệp

Công ty CP Cơ khí Licogi	Đường số 2 - Khu CN Nhơn Trạch 1 - Đồng Nai	- Gia công, chế tạo sản phẩm cơ khí xây dựng - Sửa chữa, lắp đặt thiết bị và vật tư kỹ thuật ngành công nghiệp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nghi Sơn	Hải Thượng - Tỉnh Gia - Thanh Hóa	- Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến điện; các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp; các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, nền móng công trình; - Đầu tư xây dựng, kinh doanh khu nhà ở, đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, dự án thủy điện vừa và nhỏ.
Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội	Lô X1 - đường D3 - Khu dân cư Long Tân - H. Nhơn Trạch - Đồng Nai	Đầu tư xây dựng khu chung cư để bán và cho thuê.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thi công các công trình xây dựng

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103004836 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 06 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 25 tháng 12 năm 2009, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, nền móng công trình;
- Sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng, ống cống bê tông, bê tông thương phẩm;
- Gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí xây dựng, cốp pha định hình, dàn giáo, khung nhà công nghiệp (không sản xuất gia công tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê thiết bị vật tư kỹ thuật, tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị, các sản phẩm cơ khí và kết cấu định hình;
- Đầu tư, kinh doanh nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ;
- Mua bán máy móc, vật tư ngành xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, khai thác đá, khai thác đá có sự dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- Đào tạo nghề, giáo dục trung cấp chuyên nghiệp, đào tạo cao đẳng, giáo dục trung học phổ thông./.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là khối lượng xây lắp của các công trình được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu thanh toán khối lượng hoặc dựa vào hóa đơn đo bên nhà thầu thi công xuất sau khi trừ đi giá vốn kết chuyển tương ứng với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	24 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm
- Giá trị quyền sử dụng đất	Không khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

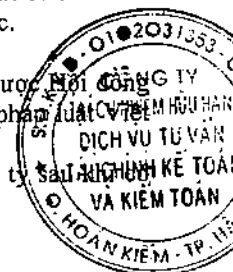
Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;



- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi có Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành hoặc quyết toán công trình hoàn thành.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm;

Theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần, năm 2009 Công ty tiếp tục được giảm trừ 50% thuế thu nhập doanh nghiệp;

Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài Chính về việc giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Licogi 16 được giảm trừ 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2009.

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

3 . TIỀN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	9.296.416.032	723.219.650
Tiền gửi ngân hàng	27.801.001.289	15.488.527.084
Các khoản tương đương tiền (*)	91.000.000.000	-
	128.097.417.321	16.211.746.734

(*) Tiền gửi có kỳ hạn 01 tuần tại ngân hàng Tiên Phong

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	28.155.262.625	503.920.800
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	193.500.000.000	-
	221.655.262.625	503.920.800

(*) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng Tiên Phong và Ngân hàng Lào Việt

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chuyển nhượng dự án Long Tân 83 ha (*)	221.642.046.034	310.607.940.881
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	2.000.000.000	2.316.847.023
Công ty Cổ phần Licogi 16.6	400.000.000	9.979.131.879
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi	4.000.000.000	4.800.000.000
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	15.996.710.568	-
Phải thu khác	18.260.034.172	25.052.434.656
	262.298.790.774	352.756.354.439

(*) Các khoản công nợ có gốc ngoại tệ được ghi nhận theo tỷ giá của ngân hàng Vietcom Bank

6 . DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(402.790.616)	(188.973.831)
	(402.790.616)	(188.973.831)

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.422.332.244	-
Công cụ, dụng cụ	10.341.823.899	10.275.166.352
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	130.752.648.608	271.031.327.186
Hàng hóa bất động sản	7.703.032.812	1.785.008.310
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	158.219.837.563	283.091.501.848
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	158.219.837.563	283.091.501.848

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được ghi nhận theo cơ sở dồn tích các chi phí phát sinh và có chứng từ để hạch toán sau khi kết chuyển giá vốn phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	685.198.283	6.370.192.691	11.148.753.831	700.386.276	18.904.531.081
Số tăng trong kỳ		7.809.430.576	5.195.163.998	184.680.202	13.189.274.776
- Mua trong kỳ		7.777.226.067	5.195.163.998	184.680.202	13.157.070.267
- Tăng khác		32.204.509			32.204.509
Số giảm trong kỳ		5.105.790.655		48.562.569	5.154.353.224
- Thanh lý, nhượng bán		5.105.790.655		48.562.569	5.154.353.224
Số dư cuối kỳ	685.198.283	9.073.832.612	16.343.917.829	836.503.909	26.939.452.633
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	341.589.082	816.941.937	2.123.570.604	375.181.557	3.657.283.180
Số tăng trong kỳ	28.868.412	990.083.245	2.183.913.766	268.934.769	3.471.800.192
- Khấu hao trong kỳ	28.868.412	990.083.245	2.183.913.766	237.909.868	3.440.775.291
- Tăng khác				31.024.901	31.024.901
Số giảm trong kỳ		350.136.818		48.562.569	398.699.387
- Thanh lý, nhượng bán		319.111.917		48.562.569	367.674.486
- Giảm khác		31.024.901			31.024.901
Số cuối kỳ	370.457.494	1.456.888.364	4.307.484.370	595.553.757	6.730.383.985
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	343.609.201	5.553.250.754	9.025.183.227	325.204.719	15.247.247.901
Tại ngày cuối kỳ	314.740.789	7.616.944.248	12.036.433.459	240.950.152	20.209.068.648

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố vay vốn
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng

1.325.278.025

9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	-	4.488.750.500	-	-	4.488.750.500
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	4.488.750.500	-	-	4.488.750.500
- Chuyển nhượng TSCĐ thuê tài chính cho Công ty Licogi 16.6	-	4.488.750.500	-	-	4.488.750.500
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-
Số tăng trong kỳ	-	224.437.526	-	-	224.437.526
- Khấu hao trong kỳ	-	224.437.526	-	-	224.437.526
Số giảm trong kỳ	-	224.437.526	-	-	224.437.526
- Chuyển nhượng TSCĐ thuê tài chính cho Công ty Licogi 16.6	-	224.437.526	-	-	224.437.526
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	-	4.488.750.500	-	-	4.488.750.500
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	972.000.000		20.000.000		992.000.000
Số tăng trong kỳ					
Số giảm trong kỳ					
Số dư cuối kỳ	972.000.000		20.000.000		992.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ			10.555.556		10.555.556
Số tăng trong kỳ			6.666.668		6.666.668
- Khấu hao trong kỳ			6.666.668		6.666.668
Giảm trong kỳ					
Số dư cuối kỳ			17.222.224		17.222.224
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	972.000.000		9.444.444		981.444.444
Tại ngày cuối kỳ	972.000.000		2.777.776		974.777.776

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỪ DANG

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	271.199.290.790	177.859.730.903
<i>Trong đó:</i>		
- Nhà 24A Phan Đăng Lưu	45.360.123.137	30.797.833.147
- Trường C Đ nghề KHUD Licogi	14.480.765.698	5.244.067.474
- DA Khu đô thị mới Quận Cầu Giấy - Hà Nội	9.089.396.636	13.033.000
- Hệ thống Bê tông đầm lăn	202.119.515.319	141.655.307.282
- Tài sản cố định khác	149.490.000	149.490.000
	271.199.290.790	177.859.730.903

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Đầu tư vào công ty con	112.319.250.000	46.005.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	315.884.448.000	108.050.000.000
Đầu tư dài hạn khác	70.000.000.000	-
- Đầu tư dài hạn khác (*)	70.000.000.000	-
	498.203.698.000	154.055.000.000

(*) Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội Chi nhánh Hồ Chí Minh

Danh sách các công ty con, công ty liên kết, liên doanh quan trọng

Tên công ty	Các thông tin liên quan	Vốn điều lệ	Vốn góp thực tế đến 31/12/09	Tỷ lệ góp theo Điều lệ
Công ty TNHH Điện Phước	Công ty con	150.000.000.000	58.319.250.000	95%
Công ty TNHH Siêu Thành	Công ty con	50.000.000.000	54.000.000.000	100%
Công ty CP Licogi 16.1	Công ty liên kết	15.000.000.000	6.000.000.000	40%
Công ty CP Licogi 16.2	Công ty liên kết	20.000.000.000	8.000.000.000	40%
Công ty CP Licogi 16.5	Công ty liên kết	24.850.060.000	12.250.000.000	49,3%
Công ty CP Licogi 16.6	Công ty liên kết	25.000.000.000	10.000.000.000	40%
Công ty CP Licogi 16.8	Công ty liên kết	10.000.000.000	1.200.000.000	40%
Công ty CP Licogi 16.9	Công ty liên kết	25.000.000.000	12.400.000.000	47,2%
Công ty CP Cơ khí Licogi	Công ty liên kết	24.278.500.000	12.000.000.000	46,15%
Công ty Nghi Sơn	Công ty liên kết	150.000.000.000	45.000.000.000	45%
Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội	Công ty liên kết	985.600.000.000	209.034.448.000	30%

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	94.902.678	634.053.037
	94.902.678	634.053.037

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn	237.770.594.055	203.724.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	38.492.000.000	1.067.000.000
	276.262.594.055	204.791.000.000

Trong đó, các khoản vay ngắn hạn gồm:

Đơn vị tính: VND

Số hợp đồng	Bên cho vay	Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2009	Phương thức bảo đảm tiền vay
HĐ 0156/09/TD/I ngày 18/03/2009	Ngân hàng TMCP An Bình - Sở giao dịch	30.137.681.430	Các khoản phải thu của bên vay từ EVN
HĐ số 50-09/HĐNH/PB.HCM ngày 16 tháng 12 năm 2009	Ngân hàng tiên phong - CN TP.HCM	28.155.262.625	Số dư tài khoản tiền gửi số 201.26091985.006 của đơn vị tại ngân hàng Tiên Phong
HĐ số 45-09/HĐNH/TPB.HCM ngày 13/12/2009	Ngân hàng tiên phong - CN TP.HCM	54.000.000.000	Số dư tài khoản tiền gửi số 201.26091985.007 của đơn vị tại ngân hàng Tiên Phong
HĐ số 48-09/HĐNH/TPB.HCM ngày 10/12/2009	Ngân hàng tiên phong - CN TP.HCM	10.000.000.000	Số dư tài khoản tiền gửi số 201.26091985.007 của đơn vị tại ngân hàng Tiên Phong
HĐ số 06-09/HĐNH/TPB.HCM ngày 18/05/2009	Ngân hàng tiên phong - CN TP.HCM	115.477.650.000	-Quyền sử dụng đất và tài sản tại 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Tân Bình, TP.HCM - Cổ phiếu của công ty Licogi 16
Cộng		237.770.594.055	

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.912.335.880	16.202.012.349
Thuế thu nhập doanh nghiệp	61.078.155.453	51.939.723.800
Thuế thu nhập cá nhân	1.073.585.032	501.808.323
Các loại thuế khác	4.500.000	4.500.000
	64.068.576.365	68.648.044.472

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	540.072.532	153.061.310
Chi phí dự án Long Tân (*)	24.674.052.681	123.893.958.136
Thù Lao hội đồng quản trị	-	822.000.000
Chi phí phải trả khác	845.925.608	858.145.855
	26.060.050.821	125.727.165.301

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	236.641.396	169.959.991
Bảo hiểm xã hội	-	18.903.078
Bảo hiểm y tế	15.755.519	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	54.792.801.295	41.228.208.803
	55.045.198.210	41.417.071.872

18 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay dài hạn	155.017.228.349	115.593.373.416
Vay ngân hàng	155.017.228.349	115.593.373.416
Nợ dài hạn	-	3.026.201.300
Thuê tài chính	-	3.026.201.300
	155.017.228.349	118.619.574.716

Trong đó, các khoản vay dài hạn gồm:

Đơn vị tính: 1.000.000 VND

Số HĐ vay	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc	Số dư nợ gốc phải trả kỳ tới	Phương thức bảo đảm khoản vay
Số 1412/07/HĐTD	Ngân hàng TMCP An Bình	Thả nổi	48 tháng	105.440	11.000	- Nguồn thu từ tổng công ty điện lực Việt Nam - Tài sản hình thành sau đầu tư
01/2009/HĐ	Ngân hàng liên doanh Lào Việt TP.HCM	Thả nổi	60 tháng	18.437	4.160	- 1.225.000 cổ phần của công ty Licogi 16 - 1.200.000 cổ phần của công ty cơ khí Licogi 16 - Hệ thống máy móc và phương tiện vận tải của công ty licogi 16 - Nhà và QSD đất tại 49B Phan Đăng Lưu, P7,Q.Phú Nhuận, TP.HCM
020-0000628/HĐTD/07	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	Thả nổi	60 tháng	69.632	23.332	Tài sản hình thành từ vốn vay là QSD 839.902m2 tại 2 xã Long Tân Và Phú Hội
	Cộng			193.509	38.492	

19 . TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan tới chuyển quyền sử dụng đất dự án	488.437.647	-
	488.437.647	-

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 1

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2009	Tỷ lệ	01/01/2009	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	-		15.840.000.000	11,65%
Vốn góp của Cổ đông khác	250.000.000.000	100,00%	120.160.000.000	88,35%
Cộng	250.000.000.000	100%	136.000.000.000	100%

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

* Số lượng cổ phiếu quỹ

-

5

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	136.000.000.000	56.500.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	114.000.000.000	79.500.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	250.000.000.000	136.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	73.323.992.800	45.731.856.921

đ) Cổ phiếu

	31/12/2009	01/01/2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.000.000	13.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.000.000	13.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	13.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5	216.500
- Cổ phiếu phổ thông	5	216.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.999.995	13.383.500
- Cổ phiếu phổ thông	24.999.995	13.383.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu	10.000	10.000

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2009	01/01/2009
Quỹ đầu tư phát triển	48.295.644.919	20.478.433.441
Quỹ dự phòng tài chính	25.000.000.000	13.600.000.000
Cộng	<u>73.295.644.919</u>	<u>34.078.433.441</u>

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu từ hoạt động đầu tư các khu đô thị	296.301.326.929	283.361.068.388
Doanh thu từ hoạt động xây lắp	212.601.198.252	155.462.113.703
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	1.077.345.598	5.770.671.360
	<u>509.979.870.779</u>	<u>444.593.853.451</u>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn từ hoạt động của đầu tư các khu đô thị	117.394.849.604	155.440.047.688
Giá vốn từ hoạt động xây lắp	206.185.179.268	156.949.657.315
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	768.045.512	5.614.175.998
	<u>324.348.074.384</u>	<u>318.003.881.001</u>

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.618.398.499	21.174.665.440
Cổ tức, lợi nhuận được chia	980.000.000	12.835.667.116
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	744.903.873
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	49.479.206
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	4.464.082.944
	4.598.398.499	39.268.798.579

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay (*)	19.342.790.222	1.613.587.592
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	2.451.261.241
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.389.647.888	1.217.314.804
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	11.390.000.000
	29.732.438.110	16.672.163.637

(*) Lãi tiền gửi có kỳ hạn phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi có thông báo của Ngân hàng. Số tiền gửi có kỳ hạn chưa được hạch toán dự thu của năm 2009 là 3.416.555.556 VND.

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	<i>253.952.124.579</i>	<i>184.637.464.112</i>
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) thu nhập chịu thuế gồm:	705.791.282	
- Chi phí hội đồng quản trị	643.600.000	
- Chi phí Khấu hao	62.191.282	
<i>Thu nhập chịu thuế TNDN</i>	<i>254.657.915.861</i>	
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</i>	<i>488.437.647</i>	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	63.664.478.965	51.260.134.369
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư 03/2009/TT-BTC	19.099.343.690	
	45.053.572.922	51.260.134.369

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

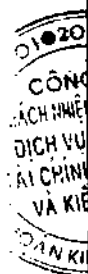
	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	209.386.989.304	133.377.329.743
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu PT	209.386.989.304	133.377.329.743
- Cổ phiếu PT đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.745.412	11.694.849
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.504	11.405

26 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan.
Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng Công ty Xây dựng và phát triển Hạ tầng - Licogi	Đại diện Cổ đông nhà nước		
- Doanh thu các công trình			25.913.742.630
- Cổ tức, lãi cho vay nhận được			4.039.200.000
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty Liên kết		
- Chi phí thầu phụ các công trình		(21.991.451.951)	(18.243.113.801)
- Cung cấp vật tư			(10.877.039.049)
- Phí sử dụng thương hiệu		465.555.235	-
- Cổ tức, lãi cho vay nhận được		300.000.000	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 16.2	Công ty Liên kết		
- Chi phí thầu phụ các công trình		(96.323.733.547)	(52.446.534.631)
- Cung cấp vật tư			1.940.295.927
- Phí sử dụng thương hiệu		286.340.909	-
- Cổ tức, lãi cho vay nhận được		240.000.000	2.160.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 16.6	Công ty Liên kết		
- Chi phí thầu phụ các công trình		(31.218.438.617)	(23.040.744.792)
- Tiền cược vận chuyển			72.286.903
- Cổ tức, lãi cho vay nhận được			2.140.000.000
- Phí sử dụng thương hiệu		246.465.091	-
- Chuyển nhượng tài sản cố định		9.466.666.667	-
- Phí Bảo lãnh Công trình		286.938.182	2.140.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 16.8	Công ty Liên kết		
- Chi phí tư vấn thiết kế		(3.551.438.330)	(3.961.819.743)
- Cổ tức, lãi cho vay nhận được		80.000.000	120.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty Liên kết		
- Cung cấp vật tư		-	310.705.262
- Chi phí thầu phụ các công trình		-	4.515.690.177
- Phí sử dụng thương hiệu		392.204.545	-
- Tiền thuê đất			154.705.133
- Cổ tức, lãi cho vay nhận được		434.095.545	2.800.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 16.9	Công ty Liên kết		
- Nhận lại một phần vốn góp		4.600.000.000	-
- Chi phí thầu phụ các công trình		(6.800.310.458)	-



Cho đến ngày lập báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2009	31/12/2008
		VND	VND
<u>Phải thu</u>			
Tổng Công ty Xây dựng và phát triển Hạ Đại diện Cổ đông nhà tàng - Licogi	nước		19.705.415.701
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty Liên kết	5.949.082.434	2.316.847.023
Công ty Cổ phần Licogi 16.6	Công ty Liên kết	3.874.654.197	9.979.131.879
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty Liên kết	6.965.462.816	13.399.190.204
Công ty Cổ phần Licogi 16.8	Công ty Liên kết		270.000.785
Công ty Cổ phần Licogi 16.9	Công ty Liên kết	3.434.497.265	6.314.838.769
<u>Phải trả</u>			
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty Liên kết		664.394.064
Công ty Cổ phần Licogi 16.2	Công ty Liên kết	30.640.083.171	9.747.843.274
Công ty Cổ phần Licogi 16.8	Công ty Liên kết	400.852.550	
Công ty Cổ phần Licogi 16.9	Công ty Liên kết		2.218.956.123

VI . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được Công ty TNHH Kiểm toán ASNAF Việt Nam kiểm toán.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thủy

Kế toán trưởng



Hoàng Chí Phúc

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2010



Phụ lục 1 : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	56.500.000.000	65.834.506.776	-	7.140.700.467	7.140.700.467	47.492.761.847	184.108.669.557
- Tăng vốn trong kỳ trước	79.500.000.000	161.964.598.109	-	-	-	-	241.464.598.109
- Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	133.377.329.743	133.377.329.743
- Trích lập quỹ từ lợi nhuận thuần	-	-	-	13.337.732.974	6.459.299.533	-	19.797.032.507
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	6.724.000.000	-	-	-	6.724.000.000
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	82.289.183.672	82.289.183.672
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ trước	136.000.000.000	227.799.104.885	(6.724.000.000)	20.478.433.441	13.600.000.000	98.580.907.918	489.734.446.244
- Tăng vốn trong kỳ này	114.000.000.000	278.422.932.853	6.723.950.000	-	-	-	399.146.882.853
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	209.386.989.304	209.386.989.304
- Trích lập quỹ từ lợi nhuận thuần	-	-	-	27.817.211.478	11.400.000.000	-	39.217.211.478
- Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	-	5.323.992.800	5.323.992.800
- Chi cổ tức bằng cổ phiếu thưởng	-	-	-	-	-	68.000.000.000	68.000.000.000
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần	-	-	-	-	-	60.155.989.514	60.155.989.514
Số dư cuối kỳ này	250.000.000.000	506.222.037.738	(50.000)	48.295.644.919	25.000.000.000	174.487.914.908	1.004.005.547.565